

Số: 247/BC-BYT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 23/02/2022 đến 16h00 ngày 24/02/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24h qua, thế giới ghi nhận hơn 1,7 triệu ca mắc mới và hơn 9.000 ca tử vong. Tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 430,4 triệu ca, trong đó trên 5,9 triệu ca tử vong.

Theo dữ liệu cập nhật của Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Mỹ (CDC), nước này hiện có khoảng 78.000 ca mắc COVID-19 mới mỗi ngày, thấp nhất kể từ ngày 11/11/2021. Số ca tử vong do COVID-19 cũng có dấu hiệu giảm bớt khi số ca tử vong trung bình hàng ngày giảm xuống dưới con số 1.600 ca. Trong hơn một tháng qua, số ca mắc mới biến thể Omicron ở Mỹ đã giảm 90% so với mức cao nhất trong đại dịch. Trong bối cảnh Mỹ bắt đầu phục hồi sau làn sóng lây nhiễm chưa từng có do biến thể Omicron gây ra, các bang của nước này đã bắt đầu triển khai các kế hoạch ứng phó với COVID-19 như một căn bệnh lâu dài nhưng có thể kiểm soát được trong tương lai.

Ngày 24/2, chính quyền Hong Kong áp dụng “thẻ thông hành vaccine”, theo đó những người từ 12 tuổi trở lên phải tiêm ít nhất 1 mũi vaccine ngừa COVID-19 mới được đến các địa điểm như siêu thị, trung tâm mua sắm và nhà hàng... Lệnh đóng cửa trường học, quán bar, phòng tập thể dục và một số cơ sở kinh doanh sẽ kéo dài đến ngày 20/4. Các trung tâm mua sắm trở nên vắng vẻ trong khi nhiều người dân làm việc tại nhà.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 24/02/2022, cả nước ghi nhận 3.041.506 ca mắc, trong đó 3.035.781 ca trong nước. Đến nay đã có 2.339.784 người khỏi bệnh, 39.773 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 3.038.654 ca, trong đó có 3.034.211 ca trong nước (99,8%), 2.336.967 người đã khỏi bệnh (77%), 39.738 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 69.128 ca mắc mới, trong đó 69.119 ca ghi nhận trong nước (tăng 8.781 ca so với ngày trước đó) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (8.864), Bắc Giang (4.171), Hải Dương (2.948), Sơn La (2.860), Phú Thọ (2.596), Nam Định (2.592), Hồ Chí Minh (2.466), Hòa Bình (2.391), Bắc Ninh (2.375), Vĩnh Phúc (2.117), Hưng Yên (1.995), Hải Phòng (1.890), Ninh Bình (1.799), Yên Bái (1.666), Lào Cai (1.655), Nghệ An (1.629), Hà Giang (1.560), Đắk Lắk (1.514), Thái Nguyên (1.497), Lạng Sơn (1.480),

Thái Bình (1.456), Khánh Hòa (1.229), Quảng Nam (1.199), Tuyên Quang (1.118), Bình Định (1.016), Quảng Bình (987), Đà Nẵng (981), Thanh Hóa (881), Cao Bằng (848), Điện Biên (738), Lâm Đồng (732), Hà Tĩnh (715), Phú Yên (656), Bà Rịa - Vũng Tàu (627), Bình Phước (610), Gia Lai (579), Bình Dương (577), Hà Nam (530), Lai Châu (438), Cà Mau (422), Quảng Trị (414), Bình Thuận (284), Đắk Nông (253), Thừa Thiên Huế (242), Bắc Kạn (214), Kon Tum (189), Tây Ninh (179), Bến Tre (179), Đồng Nai (148), Quảng Ngãi (145), Vĩnh Long (83), Bạc Liêu (81), Kiên Giang (77), Trà Vinh (74), Cần Thơ (51), Long An (40), Ninh Thuận (17), Sóc Trăng (17), Đồng Tháp (10), An Giang (7), Tiền Giang (7), Hậu Giang (4).

+ Có 9 ca nhập cảnh ghi nhận tại Tây Ninh (6), Quảng Bình (1), Bến Tre (1), An Giang (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Quảng Ninh (giảm 1.868), Hòa Bình (giảm 204), Tuyên Quang (giảm 159).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Sơn La (tăng 2.860), Hà Nội (tăng 1.445), Bắc Giang (tăng 1.173).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 48.179 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 69,7% tổng số mắc trong ngày), tăng 6.034 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 6.011 ca cộng đồng (tăng 592 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 226.964 ca.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 2.466 ca cộng đồng (tăng 1.015 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 526.059 ca.

+ TP. Hải Phòng: Trong ngày ghi nhận 1.890 ca thông qua sàng lọc (tăng 74 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 59.174 ca.

+ Tỉnh Bắc Ninh: Trong ngày ghi nhận 1.887 ca cộng đồng (tăng 245 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 67.867 ca.

+ Tỉnh Hòa Bình: Trong ngày ghi nhận 2.166 ca cộng đồng (giảm 23 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 33.724 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 13.467 ca, Bắc Ninh tăng 7.407 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Quảng Ngãi (giảm 467 ca), Gia Lai (giảm 150 ca), Vĩnh Long (giảm 140 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 2.336.967 người đã khỏi bệnh (77%), tăng 19.062 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 661.949 trường hợp, trong đó có 3.137 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.464 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 280; (3) Thở máy không xâm lấn: 87; (4) Thở máy xâm lấn: 294; (5) EMO: 12.

- Trong ngày 23/02, ghi nhận 91 trường hợp tử vong (tăng 14 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (3) trong đó 2 ca từ các tỉnh chuyển đến: Đồng Tháp (1), Tiền Giang (1)

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Hà Nội (11), Bình Định (7), Hải Dương (6), Quảng Nam (6), Đà Nẵng (4), Hòa Bình (4 ca trong 02 ngày), Kiên Giang (4), Hải Phòng (3), Lạng Sơn (3), Nam Định (3), Ninh Bình (3), Phú Yên (3), Bắc Ninh (2),

Bình Dương (2), Cà Mau (2), Hà Giang (2), Lâm Đồng (2), Nghệ An (2), Sóc Trăng (2), Thái Bình (2), Thanh Hóa (2), An Giang (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bắc Kạn (1), Bạc Liêu (1), Bình Phước (1), Cần Thơ (1), Đồng Nai (1), Đồng Tháp (1), Hà Tĩnh (1), Khánh Hòa (1), Quảng Ngãi (1), Quảng Trị (1), Thừa Thiên Huế (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 23/2/2021, Bộ Y tế ban hành Công văn số 854/BYT-T-CT về việc đảm bảo cung cấp trang thiết bị y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường tiêm vaccine phòng COVID-19, tổ chức tiêm vaccine mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên, hoàn thành trong Quý I năm 2022; tiêm mũi thứ 2 cho trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi, hoàn thành trong tháng 2 năm 2022; chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện bảo quản, địa điểm, nhân lực để tiêm chủng cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vaccine.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 23/2/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 39.052.029 mẫu cho 82.502.029 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 33.318.865 mẫu tương đương 78.754.090 lượt người, tăng 41.255 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.851.004 mẫu gộp cho 48.402.068 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 24/02/2022 là 213.663.114 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	32.863.320	12.927.860	19.549.060	386.400	63.190.356
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	107.336.948	51.024.460	29.449.090	26.863.398	213.663.114
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						201.859.646

III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						11.303.468

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 213,7 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 201,9 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 11,3 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 23/02/2022

Cả nước đã tiêm 192.677.332 liều (trong ngày tiêm được 629.342 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 95,5% số vắc xin phân bổ 128 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi) ¹	100,0%	97,9%	33,4%
Trẻ em (12-17 tuổi)	98,6%	93,1%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 175.726.707 liều:

+ Mũi 1: 70.743.193 liều

+ Mũi 2: 68.516.325 liều ; Mũi bổ sung: 13.598.820 liều.

+ Mũi 3: 22.868.369 liều

61/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

2/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 16.950.625 liều:

+ Mũi 1: 8.718.944 liều

+ Mũi 2: 8.231.681 liều.

52/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Trung bình 7 ngày qua, cả nước ghi nhận 36.000 ca/ngày trong cộng đồng và 85 ca tử vong trong ngày. Thời gian tới, với sự gia tăng nhu cầu đi lại trong các dịp lễ hội đầu xuân; dỡ bỏ hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách, mở cửa trường học trở lại và mở cửa du lịch, dự báo số ca mắc có thể tiếp tục gia tăng, ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm trong cộng đồng, nguy cơ biến chủng Omicron lây lan là rất cao, dẫn đến gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao (người già, người có bệnh nền).

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

2. Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chủ động tiếp cận trước các nguồn vắc xin cho trẻ em dưới 12 tuổi (trước mắt là vắc xin Pfizer theo đa số quốc gia trên thế giới).

3. Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết... tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà.

4. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

5. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thường xuyên đánh giá tình hình dịch bệnh, chuẩn bị sẵn sàng các phương án đáp ứng dịch khi đưa học sinh quay lại trường học và mở cửa du lịch.

6. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng.

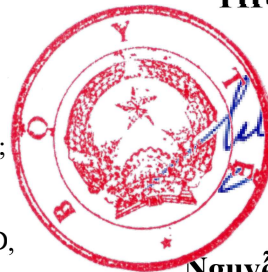
7. Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 23/02	Số mắc ngày 24/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 24/02	Số tử vong tích lũy đến 23/02
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		60.338	69.119	8781	3.034.009	39.738
1	Hồ Chí Minh	1.451	2466	1.015	526.059	20.409
2	Bình Dương	373	577	204	295.221	3.397
3	Hà Nội	7.419	8.864	1.445	226.964	863
4	Đồng Nai	92	148	56	100.814	1.728
5	Tây Ninh	142	179	37	89.549	842
6	Khánh Hòa	1.296	1229	-67	70.845	305
7	Vĩnh Phúc	2.013	2117	104	71.231	14
8	Bắc Ninh	2.505	2.375	-130	67.867	105
9	Cà Mau	378	422	44	59.753	292
10	Hải Phòng	1.816	1.890	74	59.174	109
11	Vĩnh Long	69	83	14	54.616	770
12	Bình Phước	731	610	-121	52.988	188
13	Đà Nẵng	918	981	63	52.590	219
14	Đồng Tháp	30	10	-20	47.931	960
15	Bình Định	1.059	1016	-43	47.773	202
16	Cần Thơ	41	51	10	44.836	907
17	Bến Tre	84	179	95	43.206	400
18	Long An	49	40	-9	42.097	987
19	Hải Dương	2.944	2.948	4	44.087	49
20	Nghệ An	1.525	1.629	104	42.079	76
21	Nam Định	2.203	2592	389	41.382	52
22	Trà Vinh	50	74	24	38.729	242
23	Thanh Hóa	803	881	78	39.279	53
24	Bạc Liêu	98	81	-17	36.452	383
25	An Giang	14	7	-7	35.810	1.322
26	Tiền Giang	12	7	-5	35.463	1.220
27	BRVT	515	627	112	36.071	456
28	Bắc Giang	2.998	4171	1.173	39.459	24
29	Quảng Ninh	1.868		-1.868	34.225	13
30	Kiên Giang	8	77	69	34.235	885
31	Phú Thọ	2.499	2596	97	35.704	21
32	Thái Nguyên	1.499	1497	-2	34.137	26
33	Sóc Trăng	18	17	-1	32.494	588
34	Hòa Bình	2.595	2391	-204	33.724	54
35	Bình Thuận	185	284	99	31.307	419
36	Hưng Yên	1.617	1995	378	32.328	2
37	Quảng Nam	1.097	1199	102	30.148	68
38	T.T.Huế	226	242	16	26.471	168
39	Đắc Lắc	1.262	1514	252	25.998	100
40	Lâm Đồng	636	732	96	24.903	85
41	Ninh Bình	1.739	1799	60	24.709	43
42	Thái Bình	1.385	1456	71	23.187	11
43	Quảng Ngãi	108	145	37	18.063	83
44	Lào Cai	1.406	1655	249	19.535	12
45	Quảng Bình	825	987	162	17.268	24
46	Hậu Giang	9	4	-5	16.246	203
47	Phú Yên	388	656	268	16.481	84
48	Hà Giang	1.057	1560	503	17.149	40

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 23/02	Số mắc ngày 24/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 24/02	Số tử vong tích lũy đến 23/02
49	Lạng Sơn	1.322	1480	158	16.728	36
50	Sơn La		2860	2.860	17.696	
51	Gia Lai	314	579	265	15.220	44
52	Yên Bái	1.556	1666	110	15.746	6
53	Tuyên Quang	1.277	1118	-159	14.299	5
54	Đắc Nông	264	253	-11	13.054	33
55	Quảng Trị	327	414	87	12.003	12
56	Hà Nam	448	530	82	11.467	13
57	Hà Tĩnh	694	715	21	11.230	8
58	Ninh Thuận	19	17	-2	7.100	57
59	Cao Bằng	873	848	-25	7.827	12
60	Điện Biên	560	738	178	7.489	3
61	Kon Tum	155	189	34	5.828	
62	Lai Châu	371	438	67	4.506	
63	Bắc Kạn	103	214	111	3.179	6
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	60.338	69.119	8.781	3.034.211	39.738

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 23/02/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 128 đợt
1	Hà Nội	17.732.612	6.219.671	5.968.823	0	232.160	3.503.360	696.496	672.575	17.293.085	97,5%
2	Hải Phòng	4.404.320	1.692.852	1.614.155	0	545.134	300.241	173.347	174.387	4.500.116	102,2%
3	Thái Bình	3.110.940	1.151.531	1.189.541	96.673	233.694	243.931	150.029	146.157	3.211.556	103,2%
4	Nam Định	3.173.360	1.140.155	1.120.540	0	58.512	283.292	157.820	143.236	2.903.555	91,5%
5	Hà Nam	1.839.760	581.811	572.126	0	272.828	220.981	70.959	69.138	1.787.843	97,2%
6	Ninh Bình	1.747.960	636.194	654.320	0	235.036	106.122	82.166	76.925	1.790.763	102,4%
7	Thanh Hoá	7.685.680	2.352.904	2.135.658	228.432	386.304	291.579	282.438	278.513	5.955.828	77,5%
8	Bắc Giang	3.686.480	1.305.661	1.288.142	0	159.744	955.291	149.767	149.254	4.007.859	108,7%
9	Bắc Ninh	3.032.450	1.133.376	1.086.367	0	360.184	356.622	115.527	108.163	3.160.239	104,2%
10	Phú Thọ	2.398.740	999.503	996.854	0	273.098	202.555	124.912	123.397	2.720.319	113,4%
11	Vĩnh Phúc	2.262.070	786.991	767.435	0	233.962	219.143	114.123	112.099	2.233.753	98,7%
12	Hải Dương	3.234.630	1.325.793	1.258.883	4.595	91.139	353.082	157.247	153.881	3.344.620	103,4%
13	Hung Yên	2.458.262	820.979	792.189	0	285.844	226.390	110.141	108.368	2.343.911	95,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
14	Thái Nguyên	2.312.690	918.015	884.472	12.792	198.180	142.325	108.213	106.691	2.370.688	102,5%
15	Bắc Cạn	565.100	215.948	210.667	0	10.437	29.948	24.836	21.379	513.215	90,8%
16	Quảng Ninh	3.125.858	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	98,0%
17	Hoà Bình	1.616.610	549.628	516.247	0	219.643	139.012	75.444	71.462	1.571.436	97,2%
18	Nghệ An	5.478.880	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	113,9%
19	Hà Tĩnh	2.250.650	800.475	730.679	0	203.177	109.499	112.855	106.866	2.063.551	91,7%
20	Lai Châu	777.270	255.305	244.363	0	105.127	77.986	53.357	47.752	783.890	100,9%
21	Lạng Sơn	1.604.890	504.013	491.700	0	0	381.958	66.528	62.859	1.507.058	93,9%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%
23	Hà Giang	1.572.780	480.614	457.471	269	83.866	157.558	87.233	76.684	1.343.695	85,4%
24	Cao Bằng	873.380	348.768	327.956	0	71.302	88.028	45.439	41.350	922.843	105,7%
25	Yên Bái	1.612.060	513.771	500.482	0	259.178	190.176	78.940	75.560	1.618.107	100,4%
26	Lào Cai	1.483.760	463.768	449.955	0	249.850	105.147	80.171	74.097	1.422.988	95,9%
27	Sơn La	1.746.280	734.583	690.217	2.314	0	145.253	140.819	131.069	1.844.255	105,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
28	Điện Biên	1.115.500	339.330	313.403	0	181.853	78.612	72.701	58.744	1.044.643	93,6%
Cộng miền Bắc		84.257.132	29.771.723	28.700.699	844.108	5.578.417	10.501.160	3.802.304	3.635.920	82.834.331	98,3%
29	Quảng Binh	1.512.770	532.170	515.689	0	119.527	65.730	79.526	68.564	1.381.206	91,3%
30	Quảng Trị	1.289.332	429.724	414.211	9.938	60.522	114.960	61.939	59.387	1.150.681	89,2%
31	TT- Huế	2.398.476	786.151	761.734	0	239.497	198.796	102.409	98.227	2.186.814	91,2%
32	Tp. Đà Nẵng	2.490.682	862.596	854.564	0	84.480	314.215	100.536	98.437	2.314.828	92,9%
33	Quảng Nam	3.129.120	1.041.836	1.023.915	31.972	335.036	163.051	132.605	130.337	2.858.752	91,4%
34	Quảng Ngãi	2.575.394	852.436	797.614	0	96.900	212.192	112.649	110.714	2.182.505	84,7%
35	Bình Định	2.949.670	1.048.008	1.011.716	53.034	327.643	172.809	140.802	136.556	2.890.568	98,0%
36	Phú Yên	1.732.454	624.586	595.113	502	68.596	164.790	85.054	80.618	1.619.259	93,5%
37	Khánh Hòa	2.835.860	975.750	948.640	0	391.932	357.353	117.878	115.693	2.907.246	102,5%
38	Ninh Thuận	1.236.810	430.460	399.859	0	124.311	110.852	60.600	55.702	1.181.784	95,6%
39	Bình	2.690.820	906.762	875.805	7.207	242.413	85.126	130.971	121.499	2.369.783	88,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
	Thuận										
	Cộng miền Trung	24.841.388	8.490.479	8.198.860	102.653	2.090.857	1.959.874	1.124.969	1.075.734	23.043.426	92,8%
40	Kon Tum	1.020.100	320.418	317.902	9.065	90.572	54.291	58.941	55.506	906.695	88,9%
41	Gia Lai	2.684.932	995.965	907.240	75.572	133.408	130.368	167.563	145.006	2.555.122	95,2%
42	Đắk Lắk	3.390.470	1.253.942	1.182.408	0	443.108	118.904	177.965	162.076	3.338.403	98,5%
43	Đắk Nông	1.259.220	402.873	397.722	0	191.460	79.349	68.070	65.742	1.205.216	95,7%
	Cộng Tây Nguyên	8.354.722	2.973.198	2.805.272	84.637	858.548	382.912	472.539	428.330	8.005.436	95,8%
44	TP. HCM	20.331.840	7.384.738	6.627.232	0	667.462	3.973.765	725.123	679.593	20.057.913	98,7%
45	BR-VT	2.756.640	969.931	895.519	0	0	555.681	110.513	109.244	2.640.888	95,8%
46	Đồng Nai	6.321.360	2.619.472	2.252.594	0	161.595	460.635	284.173	271.486	6.049.955	95,7%
47	Tiền Giang	3.725.890	1.320.723	1.282.255	138.678	99.219	498.169	157.481	162.991	3.659.516	98,2%
48	Long An	4.327.790	1.499.418	1.454.616	30	18.424	943.760	171.046	154.317	4.241.611	98,0%
49	Lâm Đồng	2.968.224	980.904	962.733	0	509.422	179.923	138.339	119.769	2.891.090	97,4%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.320	889.052	10.161	30.414	460.493	109.018	100.448	2.547.906	98,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
51	Cần Thơ	2.765.418	943.270	939.833	5.907	326.423	217.324	108.795	101.271	2.642.823	95,6%
52	Sóc Trăng	2.641.060	899.036	865.520	0	638.791	45.652	116.852	111.026	2.676.877	101,4%
53	An Giang	4.054.292	1.363.210	1.343.346	189.783	427.262	213.205	203.544	188.594	3.928.944	96,9%
54	Bến Tre	2.992.580	1.022.560	1.003.624	0	452.915	193.210	106.936	103.750	2.882.995	96,3%
55	Trà Vinh	2.088.470	698.874	685.171	0	14.376	443.219	98.456	90.955	2.031.051	97,3%
56	Vĩnh Long	2.337.120	777.580	759.776	0	286.756	254.251	91.545	87.120	2.257.028	96,6%
57	Đồng Tháp	3.614.810	1.153.784	1.146.467	148	369.975	225.197	158.940	141.952	3.196.463	88,4%
58	Bình Dương	6.162.150	2.383.066	1.951.025	0	22.104	295.131	186.968	141.929	4.980.223	80,8%
59	Bình Phước	2.212.180	751.934	719.662	0	212.931	134.786	109.584	100.949	2.029.846	91,8%
60	Kiên Giang	3.601.150	1.238.102	1.156.203	65.192	0	247.102	166.535	156.962	3.030.096	84,1%
61	Cà Mau	2.427.210	818.765	808.584	0	410.143	120.020	112.601	111.924	2.382.037	98,1%
62	Bạc Liêu	1.604.190	567.771	557.930	0	174.982	135.973	88.641	85.804	1.611.101	100,4%
63	Hậu Giang	1.529.630	531.807	511.784	0	247.804	72.410	74.042	71.613	1.509.460	98,7%
Cộng miền		81.043.564	28.873.265	26.812.926	409.899	5.070.998	9.669.906	3.319.132	3.091.697	77.247.823	95,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
	Nam										

Ghi chú:

- 1.248.320 liều vắc xin AstraZeneca đợt 127 và 188.080 liều vắc xin Moderna đợt 128 có Quyết định phân bổ ngày 22/02/2022.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 65.490 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.646.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.410.057 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 316.054 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 23/02/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	64,3%	100,0%	99,5%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	20,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,5%	95,5%	19,6%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,4%	96,7%	24,4%	100,0%	98,8%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,0%	93,5%	36,1%	98,2%	95,7%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	15,9%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	96,9%	13,2%	98,9%	97,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	74,6%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,8%	94,7%	31,1%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	98,9%	98,6%	20,0%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	99,6%	97,2%	27,7%	98,4%	96,7%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	98,6%	93,7%	26,3%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,4%	95,9%	27,4%	97,6%	96,1%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,3%	15,5%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	98,1%	95,7%	13,6%	98,5%	84,8%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,4%	90,5%	24,4%	100,0%	96,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	91,9%	13,8%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,7%	93,5%	29,8%	100,0%	90,9%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	99,5%	97,1%	75,4%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	98,1%	93,4%	32,2%	97,0%	85,3%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	94,5%	88,9%	23,9%	100,0%	93,4%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	98,1%	37,3%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	23,6%	100,0%	92,7%
27	Sơn La	737.237	141.675	99,6%	93,6%	19,7%	99,4%	92,5%
28	Điện Biên	339.186	67.539	100,0%	92,4%	23,2%	100,0%	87,0%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.771.990	100,0%	99,6%	36,5%	100,0%	96,4%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	98,2%	95,2%	12,1%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,7%	91,3%	25,3%	88,8%	85,2%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	97,7%	25,5%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,5%	96,6%	35,5%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,9%	94,2%	15,0%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	93,5%	24,9%	98,1%	96,4%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,0%	90,7%	15,5%	96,1%	93,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,1%	91,6%	25,4%	99,3%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	99,5%	37,5%	91,8%	90,1%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	95,3%	26,4%	98,2%	90,3%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	97,0%	9,4%	100,0%	94,2%
Cộng miền Trung		8.639.418	1.161.182	98,3%	94,9%	22,7%	96,9%	92,6%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,6%	93,8%	16,0%	97,0%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	95,5%	13,7%	96,6%	83,6%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,0%	93,4%	9,4%	95,8%	87,2%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,5%	98,2%	19,6%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	488.868	100,0%	94,8%	12,9%	96,7%	87,6%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,1%	58,2%	87,2%	81,7%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,6%	58,1%	98,0%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	90,5%	18,5%	97,3%	93,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,6%	38,3%	99,3%	100,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	65,0%	100,0%	92,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,0%	18,5%	100,0%	90,9%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,3%	93,1%	48,2%	100,0%	97,2%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,5%	99,2%	22,9%	96,5%	89,8%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,3%	100,0%	99,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	97,9%	15,5%	100,0%	94,9%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,4%	96,6%	18,6%	100,0%	99,3%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	63,5%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	98,8%	33,1%	99,8%	95,0%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	92,7%	92,1%	18,1%	99,6%	88,9%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,6%	12,5%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,1%	94,9%	17,8%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	97,1%	20,8%	96,3%	90,8%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	14,7%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,2%	97,4%	23,7%	97,6%	94,5%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,2%	95,5%	13,5%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.545	100,0%	95,3%	34,4%	97,0%	90,4%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 21/02/2022 đến 16h00 ngày 22/02/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.265 lượt người (nhập cảnh: 2.267, xuất cảnh: 2.998).
- + Tuyến VN-TQ: 1.828 lượt người (nhập cảnh: 892, xuất cảnh: 936).
- + Tuyến VN-Lào: 2.388 lượt người (nhập cảnh 1.096, xuất cảnh: 1.292).
- + Tuyến VN-CPC: 1.049 lượt người (nhập cảnh 279; xuất cảnh: 770).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 373 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 269 người (VN-TQ: 47; VN-Lào: 51, VN-CPC: 171).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 102 người (VN-TQ: 12; VN-Lào: 02, VN-CPC: 88).
- + Số người trao trả: 02 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 21/02/2022 tới ngày 22/02/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 907 lượt người (nhập cảnh: 680 lượt người; xuất cảnh: 227 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.718 lượt người (nhập cảnh: 820 lượt người; xuất cảnh: 898 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 24/02, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng hơn 30 tin/bài tiếng Việt; 112 ảnh trong nước và quốc tế; gần 30 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện các đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh, giá thuốc điều trị COVID-19 và các vấn đề liên quan.

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung thông tin/phản ánh việc thực hiện các chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19, Bộ Y tế. Trong đó chỉ đạo về việc tiêm vaccine và một số biện pháp đẩy mạnh phòng, chống dịch COVID-19; công bố giá bán thuốc điều trị COVID-19; việc triển khai cấp "hộ chiếu vaccine" cho người dân; phản ánh tình hình và nỗ lực kiểm soát dịch tại nhiều địa phương; khuyến cáo người không chủ quan, lơ là trong phòng chống dịch COVID-19; hiện tượng loạn giá kit test...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như: Dòng phụ của biến thể Omicron không gây bệnh nặng cho người dân tại Nam Phi; Một số nước, vùng lãnh thổ như Mỹ, Italy, Hong Kong (Trung Quốc) điều chỉnh các quy định về phòng chống dịch theo hướng

nói lỏng để phục hồi kinh tế, xã hội; Gia tăng nguy cơ gặp các vấn đề sức khỏe tâm thần ở người từng mắc COVID-19...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước (từ 23/2, các doanh nghiệp bắt đầu dừng âm báo tại Bình Dương theo đề nghị của tỉnh).

- Tính đến hết 22/02, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.331.000 cuộc gọi (ngày 21/02 đã tiếp nhận và xử lý hơn 7 nghìn cuộc gọi).

10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2	21/2	22/2
9206	8943	7858	6229	7747	7776	8326	9277	9318	9485	7528	8112	7870

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 22/02/2022 đã tiếp nhận hơn 311 nghìn cuộc (ngày 22/02/2022 đã tiếp nhận 56 cuộc).

Tiêu chí	10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2	21/2	22/2
Cuộc gọi đến	55	54	47	57	53	56	59	80	65	59	62	51	56

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 36.856.194 (= ngàn so với 22/02/2022, tăng 21.051 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 38,42% dân số, 55,27% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.754.977 điểm đăng ký

+ 134.643 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 253.060.122

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 192.9403.481

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 180.311.304

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,72%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.887.435

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực

tuyển tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu: 18.745.709

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 7.7058.277

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; truyền thông theo Kế hoạch của Tiểu ban Truyền thông với thông điệp “*Linh hoạt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả, bảo vệ sức khỏe, tính mạng và sinh hoạt bình thường của nhân dân, vì một Tết Nhâm Dần sum họp, an toàn*”.

- Tuyên truyền việc phục hồi, phát triển kinh tế của bộ, ngành, địa phương bên cạnh việc chống dịch.

- Tuyên truyền việc mở lại du lịch; việc học sinh, sinh viên đến trường...

- Báo chí vẫn tiếp tục tăng cường khuyến cáo, nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan, xem nhẹ các biện pháp phòng, chống dịch khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Bộ Y tế vừa cập nhật ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 ở trẻ em” trong bối cảnh đang có xu hướng gia tăng ca mắc mới ở trẻ em.

- Báo chí thông tin chia sẻ, khuyến cáo về việc người dân do tâm lý quá lo lắng vì COVID-19, nhiều F0 khi điều trị tại nhà đã tự tìm hiểu và tự dùng thuốc, trong đó có corticoid. Đã có trường hợp chảy máu tiêu hóa và nhiều trường hợp bệnh COVID-19 nặng hơn... Do vậy, người bệnh chỉ dùng các thuốc corticoid khi được bác sĩ kê đơn và phải dùng đúng liều lượng, thời gian do bác sĩ kê. Cần đặc biệt lưu ý là, các thuốc corticoid có rất nhiều tác dụng phụ khác kể cả khi dùng trong thời gian ngắn như gây tăng đường huyết, tăng nhãn áp, loạn thần, loét tiêu hóa... dùng dài có thể gây ức chế trục dưới đồi - tuyến yên - tuyến thượng thận, gây suy thượng thận cấp, gây loãng xương, rối loạn nội tiết... và nhiều tác dụng phụ nguy hiểm khác.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Chiều 22/02, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế TP.HCM tổ chức buổi giao ban với các quận, huyện, TP Thủ Đức. Bí thư Thành ủy TP.HCM Nguyễn Văn Nên cho biết sau khi mở cửa lại hoạt động của trường học, du lịch, sản xuất kinh doanh và nhiều hoạt động khác, địa bàn đã gặp một số tình huống, diễn biến mới về dịch COVID-19. Trước thực trạng số F0 tăng, có nơi tăng cao, các địa phương cần nghiên cứu và đưa ra dự báo, biện pháp ứng phó kịp thời.

Tổng số ca đang mắc COVID-19 tại TP cũng tăng cao, từ khoảng 3.000 đến 4.000 trường hợp cách đây 3 tuần, hiện nay đã tăng lên 15.000 người đang mắc COVID-19.

+ Sở Y tế TP.HCM: TP đã ghi nhận số ca mắc mới ở trẻ em tăng cao, đặc biệt các em mới đi học lại. Về công tác điều trị cho trẻ em mắc COVID-19, 3 bệnh viện nhi của TP đang có 100 trường hợp F0 là trẻ em, trong đó 15 F0 chuyển đến từ các tỉnh. Hầu hết những bệnh nhân này không có triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ. Điều đáng lưu ý, 93% trẻ em dưới 12 tuổi, chưa được tiêm vắc xin COVID-19. Ngành y tế TP xem đây là đối tượng cần được quan tâm đặc biệt.

Sở Y tế TP cùng nhóm chuyên gia cũng cung cấp số điện thoại tư vấn từ xa tại 3 bệnh viện nhi nhằm tư vấn, giải đáp thắc mắc kịp thời cho giáo viên và phụ huynh. Các trung tâm y tế, trạm y tế được hướng dẫn cách chăm sóc, xử trí khi phát hiện ca mắc COVID-19 là trẻ em.

+ Theo kết quả tầm soát ngẫu nhiên biến chủng Omicron bằng xét nghiệm PCR tại TP.HCM từ ngày 10 đến 17/02, có 70/92 mẫu bệnh phẩm cho kết quả dương tính với biến chủng Omicron, chiếm 76%. Trước tình hình biến chủng Omicron lây lan tại cộng đồng, TP.HCM cho biết đã triển khai các biện pháp phòng chống dịch, trong đó tập trung hoàn thành chiến dịch tiêm chủng mùa xuân giai đoạn 2. Chiến dịch này sẽ kết thúc vào ngày 28/02. Để tăng cường miễn dịch trước biến chủng Omicron thì tiêm chủng là biện pháp cực kỳ quan trọng. Do đó, các quận huyện, TP Thủ Đức tiếp tục tổ chức, mời gọi người dân ra tiêm chủng. Người dân cần chủ động liên hệ địa phương để được tiêm chủng khi tới lượt.

- Thành phố Hà Nội:

+ Sở Y tế Hà Nội tối 22/2 cho biết trong 24 giờ qua TP ghi nhận 6.860 ca mắc mới, cao hơn hôm qua hơn 1.300 ca. Trong các ca bệnh mới phát hiện có 1.977 ca cộng đồng.

- Tỉnh Quảng Bình: Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Quảng Bình biết, tỉnh ghi nhận thêm 988 ca nhiễm mới, trong đó có 811 ca được ghi nhận trong cộng đồng. Theo đó, trong số 811 trường hợp mắc mới ghi nhận tại cộng đồng có 181 ca tại TP. Đồng Hới, huyện Quảng Ninh có 48 ca, huyện Lệ Thủy 93 ca, huyện Bố Trạch 158 ca, thị xã Ba Đồn 104 ca, huyện Quảng Trạch 156 ca, huyện Tuyên Hóa 61 ca, huyện Minh Hóa 10. Cùng với đó có 177 ca ghi nhận trong các khu cách ly tập trung, cách ly tại nhà. Hiện toàn tỉnh Quảng Bình có 5526 F0 đang điều trị tại nhà. Công tác điều trị F0 tại nhà được triển khai hiệu quả và bảo đảm quy định. Để nâng cao hiệu quả điều trị tại nhà, ngành y tế tỉnh này đã hướng dẫn, tư vấn cụ thể, cấp các loại thuốc điều trị...

Để tiếp tục phòng, chống dịch hiệu quả, tỉnh Quảng Bình cũng đang đẩy nhanh chiến dịch tiêm chủng mùa xuân; rà soát, tiêm vắc-xin cho người từ 50 tuổi trở lên, các đối tượng nguy cơ cao.